TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-PT
Ngày: 22 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các thẩm phán: Bà Bùi Thị Thảo

Ông Tô Văn Thịnh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà*: Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 39/2019/TLPT - HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Trần Thị Kim O do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2019/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

****Bị cáo có kháng cáo:***

Trần Thị Kim O, sinh năm 1977; tại tỉnh H; nơi cư trú: Phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Ngõ 59, ngách 522, đường N, phố T, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Đặng Thị T; chồng: Chưa có; có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 22/01/2019; (có mặt).

Bị hại : Công ty tài chính TNHH một thành viên Home Credit V (viết tắt: Công ty H); Địa chỉ : Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, số 20 N, phường T, quận 2 thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dmitry M- Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hoàng T, sinh năm 1980. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị: (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2017, Trần Thị Kim O đã hai lần thực hiện hành vi giả danh người khác để vay tiền tại Công ty H rồi sau đó chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Trần Thị Kim O và chị Trịnh Thị H sinh năm 1973 trú tại số nhà 33 đường 3 phố V, phường B, thành phố N là bạn bè quen biết với nhau từ trước. Khoảng đầu tháng 6/2017, chị H đến nhà hỏi O có chỗ nào vay được tiền và nhờ O vay hộ thì O nói phải đưa sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân để O đi vay tiền ngoài xã hội. Thấy O nói vậy, chị H liền về nhà gặp chị Trịnh Thị H1 sinh năm 1968 trú tại số nhà 33, đường 3 phố V, phường B, thành phố N (có quan hệ họ hàng với Trịnh Thị H sinh năm 1973) mượn 01 chứng minh nhân dân và 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên Trịnh Thị H1 sinh năm 1968 trú tại địa chỉ nói trên. Ngày hôm sau, H đến nhà đưa cho O các giấy tờ trên để nhờ O vay hộ tiền cho mình. Sau khi nhận giấy tờ từ chị H, O không đi vay tiền hộ chị H như đã hứa mà nảy sinh ý định dùng các giấy tờ này để vay tiền rồi chiếm đoạt. Sau đó O thuê một người đàn ông làm nghề ép Plastic ngoài đường (không xác định được họ tên, địa chỉ) tại khu vực phường B, thành phố N thay ảnh trên chứng minh nhân dân của chị Trịnh Thị H1 sinh năm 1968 bằng ảnh của mình rồi ép lại với giá 10.000 đồng. Đến ngày 06/9/2017, O mang 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Thị H1 sinh năm 1968 (đã thay bằng ảnh của O) và quyển sổ hộ khẩu của chị H đến cửa hàng điện máy Trần Anh ở phường V, thành phố N, nói dối tên là Trịnh Thị H1, sinh năm 1968, trú tại số nhà 33, đường 3 phố V, phường B, thành phố N, sử dụng số điện thoại 0972011418 để làm thủ tục ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số 3723809100 đề nghị vay 44.806.000 đồng, trong đó tiền mặt là 40.000.000 đồng, phí bảo hiểm 4.806.000 đồng, mỗi tháng trả góp 2.876.000 đồng, thời hạn hợp đồng đến 09/6/2019. Nhân viên hướng dẫn của công ty H là chị Dương Thị H sinh năm 1992 trú tại phố P, phường T, thành phố N tiến hành kiểm tra các thông tin, đối chiếu ảnh trên chứng minh nhân dân và người đến làm thủ tục vay là cùng một người nên đã làm thủ tục ký hợp đồng tín dụng. Đến chiều cùng ngày O ra Bưu điện tỉnh Ninh Bình nhận số tiền 40.000.000 đồng vay của công ty H. Sau khi lấy được tiền, O lại thuê người đàn ông làm nghề ép Plastic (không rõ tên tuổi địa chỉ) ngoài đường ở khu vực phường B thay lại ảnh của chị Trịnh Thị H1 sinh năm 1968 vào chứng minh nhân dân rồi đem các giấy tờ trên trả lại cho chị Trịnh Thị H sinh năm 1973 nói là không vay được tiền. Chị H cầm giấy tờ về trả lại cho chị Trịnh Thị H1 sinh năm 1968. Còn sim điện thoại số 0972011418 O vất đi, không sử dụng nữa. Sau đó để công ty H không biết việc O giả danh chị Trịnh Thị H1 vay tiền nên trong 04 tháng tiếp theo O đã thực hiện việc trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký (cụ thể vào các ngày 10/7/2017, 11/8/2017, 11/9/2017, 17/10/2017, mỗi lần trả 2.876.000 đồng) sau đó không trả nữa. Tổng số tiền O đã trả cho công ty H là 11.504.000

đồng, trong đó tiền nợ gốc là 5.005.967 đồng, tiền phí là 44.000 đồng, tiền lãi là 6.454.033 đồng. Như vậy số tiền Oanh đã chiếm đoạt được của công ty H là **34.994.033** đồng. Số tiền này O đã sử dụng vào việc trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 2/2017 O có vay 20.000.000 đồng của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ sau đó không có khả năng thanh toán nên đến cuối tháng 9/2017, người đàn ông này bảo O đưa cho anh ta 01 chiếc ảnh chân dung kích thước (3x4) cm của O để làm thủ tục vay tiền. Khoảng 4 ngày sau, tại khu vực cầu Lim thuộc phường T, thành phố N người đàn ông đó đưa cho O 01 sim điện thoại số 0986079777 cùng 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là anh Trần Văn H2 sinh năm 1970, vợ là Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1974 trú tại xóm 1 xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình và 01 chứng minh nhân dân số 164343166 mang tên Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1974 trú tại xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhưng ảnh trên chứng minh nhân dân đã được thay bằng ảnh của O. Người đàn ông bảo O mang các giấy tờ trên đến cửa hàng xe máy Hải Liên ở phường V để vay tiền của công ty H. Ngày 02/10/2017 O mang các giấy tờ nói trên đến cửa hàng xe máy Hải Liên, gặp nhân viên của công ty H là anh Lê Hồng N sinh năm 1987, trú tại xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình nói dối tên là Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1974, trú tại xóm 1 xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình, sử dụng số điện thoại 0986079777 để làm thủ tục ký hợp đồng tín dụng số 3727245873 đề nghị vay 22.403.000 đồng, trong đó tiền mặt là 20.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 2.403.000 đồng, trả góp hàng tháng 1.570.000 đồng. Thời hạn hợp đồng đến 02/10/2019. Anh N tiến hành kiểm tra các thông tin, đối chiếu ảnh trên chứng minh nhân dân và người đến làm thủ tục vay là cùng một người nên đã làm thủ tục ký hợp đồng tín dụng rồi O ra bưu điện huyện Y, tỉnh Ninh Bình nhận số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, O đem tiền đi trả nợ đồng thời đưa lại sổ hộ khẩu mang tên anh H2 và chứng minh nhân dân mang tên chị Trang cho người đàn ông nói trên. Còn chiếc sim điện thoại số 0986079777 O cho em rể là anh Trần Quang T sinh năm 1974 trú tại phố T, phường N, thành phố N sử dụng. Đến năm 2018 anh T đăng ký lại thông tin chủ sở hữu số thuê bao mang tên con gái của anh là chị Trần Thị Thu H3 sinh năm 1998, trú tại phố T, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đối với hợp đồng này đến nay O không thực hiện việc trả góp cho công ty. Như vậy số tiền Oanh chiếm đoạt được của công ty H là **20.000.000** đồng.

Như vậy tổng số tiền Trần Thị Kim O đã chiếm đoạt được của công ty H là **54.994.033** đồng.

Sau khi thấy khách hàng không thực hiện việc trả góp hàng tháng, anh Đào Hoàng T sinh năm 1980, trú tại thị trấn V, huyện G, tỉnh H là nhân viên Phòng an ninh công ty H tiến hành viếng thăm khách hàng đã phát hiện hành vi gian dối của Trần Thị Kim O. Anh T đã nhiều lần đến gặp O yêu cầu trả lại số tiền đã chiếm đoạt nhưng O cứ khất lần không trả. Đến ngày 25/7/2018 anh T được công ty ủy quyền đã làm đơn trình báo với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N. Đồng thời giao nộp 02 hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số 3723809100 ký ngày 06/9/2017

và hợp đồng tín dụng số 3727245873 ký ngày 02/10/2017 giữa công ty H và người có tên trên các hợp đồng là chị Trịnh Thị H1 sinh năm 1968, trú tại số nhà 33 đường 3 phố V, phường B, thành phố N và Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1974, trú tại xóm 1 xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; 01 bản kê thông tin đóng tiền của khách hàng Trịnh Thị H1, Nguyễn Thị Thu T; bản ảnh ghi nhận hình ảnh của khách hàng Trịnh Thị H1, Trần Thị Kim O, Nguyễn Thị Thu T khi đến làm thủ tục vay tiền do nhân viên của công ty chụp lưu hồ sơ.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 bản sao giấy chứng nhận trả tiền số 3723809100 tại bưu điện tỉnh Ninh Bình và 01 bản sao giấy chứng nhận trả tiền số 3727245873 tại bưu điện huyện Y. Thu giữ của anh Trần Quang T1 sinh năm 1974 trú tại phố T, phường N, thành phố N 01 sim điện thoại số 0986079777.

Ngày 23/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N ra Quyết định trưng cầu giám định số 174 yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký dạng chữ viết "H- Trịnh Thị H1" dưới các mục đã được mô tả trên tài liệu ký hiệu từ A1 đến A4; chữ ký dạng chữ viết "H" tại cuối các trang 2, 3 trên tài liệu ký hiệu A1; tại vị trí cuối trang trên tài liệu ký hiệu A5 so với chữ viết của Trần Thị Kim O trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 có phải do cùng một người viết ra không? Chữ viết, chữ ký dạng chữ viết "Trang- Nguyễn Thị Thu T" dưới các mục đã được mô tả trên tài liệu ký hiệu từ A6 đến A10; chữ ký dạng chữ viết "T" tại cuối các trang 2,3 trên tài liệu ký hiệu A6 so với chữ viết của Trần Thị Kim O trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 có phải do cùng một người viết ra không?

Tại kết luận giám định số 35/KLGĐ-PC09-TL ngày 06/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: chữ viết, chữ ký dạng chữ viết "Hoa- Trịnh Thị H1" dưới các mục đã được mô tả trên tài liệu ký hiệu từ A1 đến A4; chữ ký dạng chữ viết "H" tại cuối các trang 2, 3 trên tài liệu ký hiệu A1; tại vị trí cuối trang trên tài liệu ký hiệu A5 so với chữ viết của Trần Thị Kim O trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết ra. Chữ viết, chữ ký dạng chữ viết "T- Nguyễn Thị Thu T" dưới các mục đã được mô tả trên tài liệu ký hiệu từ A6 đến A10; chữ ký dạng chữ viết "T" tại cuối các trang 2,3 trên tài liệu ký hiệu A6 so với chữ viết của Trần Thị Kim O trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 do cùng một người viết ra.

Ngày 28/2/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N ra Quyết định trưng cầu giám định số 75 yêu cầu giám định chữ viết, chữ số, chữ ký dạng chữ viết "H- Trịnh Thị H1 40.000.000 Bốn mươi triệu đồng" dưới mục đã được mô tả trên tài liệu ký hiệu A1; chữ số, chữ viết, chữ ký dạng chữ viết "20.000.000 Hai mươi triệu đồng T- NGUYỄN THỊ THU T" trên tài liệu ký hiệu A2 đều dưới mục "Người nhận ký" so với chữ viết của Trần Thị Kim O trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 có phải do cùng một người viết, ký ra không?

Tại kết luận giám định số 07/KLGĐ-PC09-TL ngày 12/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Chữ viết, chữ số, chữ ký dạng chữ viết dưới mục "Người nhận ký" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so

với chữ viết của Trần Thị Kim O trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63/2019/HS-ST ngày 05/6/2019 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim O phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim O18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định các biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/6/2019 bị cáo Trần Thị Kim O có đơn kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Kim O vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm xác định về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 63/2019/HS-ST ngày 5/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình về phần áp dụng pháp luật, hình phạt và trách nhiệm dân sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim O 12 (mười hai) tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn tù chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị Kim O phải bồi thường cho Công ty H số tiền **49.705.000** đồng. Bị cáo Trần Thị Kim O không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Kim O thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N đã xét xử đúng người đúng tội, không oan, song bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy hợp đồng tín dụng O giả danh ký kết với công ty H thì: lãi suất là 3,75 % / tháng tương đương 45,67% / năm (hợp đồng ngày 9/06/2017- bút lục 120); lãi suất là 4,59 % / tháng tương đương 55,81% / năm (hợp đồng ngày 2/10/2017- bút lục 135).

Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 thì cả hai hợp đồng tín dụng nay đều vi phạm quy định về lãi suất tối đa được phép thỏa thuận.

Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. .....

Bản án sơ thẩm xác định tổng số tiền O đã trả cho công ty H là **11.504.000** đồng, trong đó tiền nợ gốc là 5.005.967 đồng, tiền phí là 44.000 đồng, tiền lãi là **6.454.033 đồng**.

Như vậy, việc các Cơ quan tiến hành tố tụng của thành phố N điều tra, truy tố, xét xử xác định số tiền O đã chiếm đoạt được của công ty H là 34.994.033 đồng trong lần 1 là không chính xác. Số tiền lãi là **6.454.033 đồng** O đã trả cần được tính lại với mức tối đa *không được vượt quá 20%/năm*. Số tiền lãi đã trả vượt quá quy định cần được khấu trừ vào số tiền nợ gốc để tính lại số tiền O đã chiếm đoạt.

Ngày 04/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh N đã có Văn bản yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình bổ sung tài liệu, chứng cứ để xác định rõ số tiền O chiếm đoạt của Công ty H.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/8/2019 với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình (có sự tham gia của Cơ quan Công an thành phố N, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N). Đại diện của Bị hại xác nhận tổng số tiền Trần Thị Kim O đã trả cho Công ty H là 11.504.000 đồng (vào các ngày 10/7/2017, 11/8/2017, 11/9/2017, 17/10/2017, mỗi lần trả 2.876.000 đồng) được trừ vào tiền nợ gốc đã vay (không tính lãi).

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để kết luận: Trần Thị Kim O đã có hành vi 2 lần giả danh người khác ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp vay của Công ty H và chiếm đoạt cụ thể: Lần 1 là 28.496.000 đồng (vay 40.000.000 đồng, đã trả 11.504.000 đồng) ; Lần 2 là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền O chiếm đoạt là **48.496.000** đồng.

Việc Công ty H không yêu cầu O trả lãi suất của 2 hợp đồng tín dụng và tính lại số tiền đã trả (11.504.000 đồng) được trừ vào số tiền gốc đã vay là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm cần được xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị Kim O là phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại **khoản 1** Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm xác định bị cáo O phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại **khoản 2** Điều 174 của Bộ luật Hình sự là không đúng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O về hình phạt:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Thị Kim O đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, với lý do bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù là quá nặng. Bị cáo trình bày: sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nhận thức được rõ việc là sai trái của mình và rất hối hận; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, là lao động duy nhất nuôi con nhỏ đang đi học (con không xác định được bố đẻ). Bị cáo đã nộp thêm 1.000.000 đồng để bồi thường cho Bị hại.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo Trần Thị Kim O đã thực sự ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình neo đơn; bị cáo nộp Biên lai đã bồi thường thêm cho Bị hại; bị cáo chỉ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo O là có căn cứ chấp nhận, tạo điều kiện cho bị cáo suy ngẫm tự sửa chữa lỗi lầm

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2019/HS-ST ngày 5/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N về áp dụng pháp luật và hình phạt đã quyết định đối với bị cáo Trần Thị Kim O.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Công ty H yêu cầu:

Đối với hợp đồng 3727245873(mang tên Nguyễn Thị Thu T), số tiền vay 20.000.000 đồng, số tiền bảo hiểm là 2.403.000 đồng, yêu cầu bị cáo Oanh bồi thường 22.403.000 đồng;

Đối với hợp đồng 3723809100 (mang tên Trịnh Thị H1), số tiền vay 40.000.000 đồng, số tiền bảo hiểm là 4.806.000 đồng, Oanh đã trả 11.504.000 đồng, yêu cầu bị cáo O bồi thường 33.302.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo O phải bồi thường là 55.705.000 đồng, đã bồi thường được 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp 49.705.000 đồng theo quy định tại các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O được chấp nhận nên bị cáo Trần Thị Kim O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được tính trên cơ sở số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho Bị hại (49.705.000 x 5% = 2.485.000 đồng).

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào: Các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 63/2019/HS-ST ngày 5/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình về phần áp dụng pháp luật, hình phạt và trách nhiệm dân sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim O **12** (mười hai) tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị Kim O phải bồi thường cho Công ty H số tiền **49.705.000** đồng (bốn mươi chín triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí : Bị cáo Trần Thị Kim O không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trần Thị Kim O phải nộp **2.485.000** đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/8/2019./

Nơi nhận:
- *TAND Cấp Cao (01bản);*
- *VKSND Cấp cao (01 bản);*
- *KT NV THA (02bản);*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình (03bản);*
- *Phòng HSNV – Công an Ninh Bình (01bản);*
- *TAND TPN (03 bản);*
- *VKSND TPN (01bản);*
- *Chi cục THA- TPN (01bản);*
- *Công an - TPN (01bản);*

TM / HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Đức Hiệp

- Bị cáo (01bản);
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- Lưu phòng HCTP (01bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.